

Số: 519 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại
Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1838/TTr-STC ngày
27 tháng 8 năm 2025 về việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm
quyền quản lý của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Du lịch, UBND cấp xã.

Điều 2. Bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính công bố tại: Phụ lục I (Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình) ban hành kèm Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình;

Bãi bỏ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình: số 711/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý giá thuộc chức năng quản lý của Sở Tài chính, thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; số 509/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; số 489/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Sở Xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; số 280/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; số 289/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính;

Bãi bỏ tất cả các Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam ban hành trước đây.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Tư pháp, Sở Du lịch, UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo đúng quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Tư pháp, Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường; Trung tâm Phục vụ

hành chính công tỉnh, cấp xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH-CB, TTPVHCC.

ĐAT_QĐCB/2025



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Chúc

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp								
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001610	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên Mã số 2.001583	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên Mã số 2.001199	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí.	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần Mã số 2.002043	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh Mã số 2.002042	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002041	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí - Bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính: miễn lệ phí, miễn phí công bố.	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
7	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số 2.002011	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

8	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002010	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
9	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002009	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số 1.005114	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
11	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết Mã số 2.002000	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

12	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.001996	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: Không quy định. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
13	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001993	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
14	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng	Trung tâm Phục vụ hành	- Lệ phí: Không quy định. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần.	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;	x		

	doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán) Mã số 2.002044	lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thay đổi thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	chính công	- Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí		- Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế Mã số 2.001954	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
16	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002069	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ	x		

						trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
17	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002070	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không được quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
18	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không được quy định. - Tạm ngừng kinh doanh,	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC	x		

	đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh Mã số 2.002031			chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: miễn lệ phí.		ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002045	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí - Bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính: miễn lệ phí, miễn phí công bố.	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
20	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài Mã số 1.010026	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: Miễn lệ phí. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí - Bổ sung, thay đổi thông tin do	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ	x		

				thay đổi địa giới hành chính: miễn lệ phí, miễn phí công bố.		Tài chính.			
21	Đăng ký doanh nghiệp đổi với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty Mã số 2.002085	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
22	Đăng ký doanh nghiệp đổi với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty Mã số 2.002083	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC	x		

						ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
23	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002059	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002060	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) Mã số 2.002057	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại Mã số 2.002034	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
27	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần.	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều	x		

	danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002032	hợp lệ	Phục vụ hành chính công	- Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí		của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
28	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại Mã số 2.002033	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Đăng ký trực	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP	x		

	doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác Mã số 2.002018		hành chính công	tuyên: Miễn lệ phí		ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
30	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002017	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Đăng ký trực tuyên: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
31	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần.	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;	x		

	Mã số 2.002015		vụ hành chính công	- Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí - Bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính: miễn lệ phí, miễn phí công bố.		- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
32	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện Mã số 2.002029	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không quy định. - Tạm ngừng kinh doanh: miễn lệ phí. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
33	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án Mã số 2.002023	- Thông báo giải thể: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đăng ký giải thể: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019 của Bộ	x		

		ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp.				trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
34	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002020	- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong nước: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
35	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Miễn lệ phí.	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ	x		

	nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002016					Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
36	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường Mã số 2.000368	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
37	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000416	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

38	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000375	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
39	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Mã số 1.010029	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
40	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp Mã số 1.010010	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC	x		

						ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
41	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp Mã số 1.010023	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
42	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp Mã số 1.005169	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
43	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP	x		

	giả mạo Mã số 2.002008		chính công			ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
II	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa								
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.000024	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.	x		
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi ngiệp sáng tạo Mã số 1.000016	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.	x		
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.000005	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.	x		

4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.002005	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.	x		
5	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư Mã số 2.002004	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.	x		
6	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị Mã số 2.002418	14 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
7	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp Mã số 2.001999	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.	x		

III Lĩnh vực Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ Mã số 2.002665	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
2	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV Mã số 2.002666	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực tuyến: Miễn lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
3	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi Mã số 2.002667	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí: 25.000 đồng/lần - Phí công bố: 100.000 đồng /lần. - Đăng ký trực	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.	x		

			công	tuyên: Miễn lệ phí		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
4	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập Mã số 2.000529	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến Bộ Tài chính để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính lập báo cáo thẩm định và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu. - Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.		x	

5	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý Mã số 2.001061	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.		x	
6	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý Mã số 2.001025	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ quan đại diện chủ sở hữu. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương. - Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp trong thời hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.		x	

		30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.							
7	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) Mã số 1.002395	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
8	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) Mã số 2.001021	Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.	x		
IV Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp									
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Mã số 3.000214	30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.		x	

V	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam								
1	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009642	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan đối với trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại trường hợp 1 hoặc gửi báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm và hồ sơ đề lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư đối với trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại trường hợp 2; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính, cơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Tài chính; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư.							
2	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009644	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó, gửi Sở Tài chính; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định gồm nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư, trình UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư.							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

3	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009645	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Tài chính; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x		
---	---	--	-----------------------------------	-------	---	--	---	--	--

		ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.							
4	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã số 1.009646	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư năm 2020; -Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. Mã số 1.009647	+ Trường hợp 1: thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư năm 2020; -Nghị định số 31/2021/NĐ-CP Ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		+ Trường hợp 2: thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.							
6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009649	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009650	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009652	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
---	--	---	-----------------------------------	-------	---	--	---	--	--

		- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009653	-Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. -Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư năm 2020; -Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; -Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		quản lý nhà nước của cơ quan đó; -Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; -Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009654	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư năm 2020; -Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. -Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; -Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; -Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

11	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh Mã số 1.009655	-Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư năm 2020; -Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
----	---	--	-----------------------------------	-------	---	---	---	--	--

		- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.							
12	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Mã số 1.009656	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính, UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Mã số 1.009657	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
14	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009659	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	-Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; -Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; -Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

		- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính xem xét điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tài chính, Ủy ban nhân								
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.							
15	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009661	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
16	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009662	Sở Tài chính thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. Mã số 1.009664	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ	x		

		Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.			
18	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009665	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
19	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009671	Sở Tài chính cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	x		
20	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 66	Trung tâm Phục vụ hành	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2021/TT-	x		

	Mã số 1.009729	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Sở Tài chính xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư, khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và thông báo cho nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp. - Trường hợp tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp có Giấy chứng	chính công			BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.			
--	----------------	--	------------	--	--	---	--	--	--

		nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường biên giới và xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, thời hạn giải quyết như sau: + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; + Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài chính, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh đối							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; quá thời hạn yêu cầu mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý việc đáp ứng điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp + Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư, khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và căn cứ ý kiến của							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để thông báo cho nhà đầu tư. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.							
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Mã số 1.009731	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
22	Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC Mã số 1.009736	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho Sở Tài chính nơi đặt văn phòng điều	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư năm 2020; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	x		

		hành. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài chính quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành							
VI Lĩnh vực Đấu thầu									
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009491	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày; - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.	x		

2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009492	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày; - Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, BT không yêu cầu thanh toán và dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước): Không quá 10 ngày. - Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.	x		
3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009493	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày; - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;	x		

						- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.			
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số 1.009494	- Thời hạn thẩm định: Không quá 14 ngày; - Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, BT không yêu cầu thanh toán và dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước: Không quá 10 ngày; - Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.	x		
5	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất.	a) Về thời hạn xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư: Đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đấu thầu; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ;	x		

	Mã số 2.002603	thẩm quyền: - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một cơ quan chuyên môn tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư; - Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư, trong thời hạn 25 ngày, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án; b) Về thời hạn đăng tải thông tin: Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho cơ				- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ.			
--	----------------	---	--	--	--	--	--	--	--

		quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn để đăng tải thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt thông tin dự án.							
6	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012507	23 ngày làm việc (Cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 23 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí: 800.000 đồng (Chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu tối đa 800.000 đồng/thí sinh/kỳ thi (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này)		- Luật Đấu thầu năm 2023; - Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

7	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012508	07 ngày làm việc (Cá nhân được cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp lại chứng chỉ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí: 100.000 đồng (Chi phí cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này). Không thu phí cấp lại chứng chỉ đối với trường hợp cơ quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ghi sai thông tin trên chứng chỉ.)	- Luật Đấu thầu năm 2023; - Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
---	--	--	-----------------------------------	--	---	---	--	--

8	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012509	07 ngày làm việc (Cá nhân được cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí: 100.000 đồng (Chi phí cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này)		- Luật Đấu thầu năm 2023; - Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		
9	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu Mã số 1.012510	05 ngày làm việc (Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đấu thầu năm 2023; - Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x		

VII Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn									
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ Mã số 2.000765	Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong vòng 05 ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.		x	
VIII Lĩnh vực Quản lý công sản									
1	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế Mã số 3.000410	Trong thời hạn 36 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Điều 28 Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.	x		
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà đất Mã số 3.000291	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất hàng năm hoặc Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 108/2024/NĐCP ngày 23/8/2024 của Chính phủ.	x		

3	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000325	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.	x		
IX	Lĩnh vực Tin học - Thống kê								
1	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách Mã số 2.002206.000.00.00	14 giờ làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
X	Lĩnh vực Đất đai								
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Mã số 1.012994	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.	x		

XI	Lĩnh vực Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại								
1	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh Mã số 2.002058	Cơ quan chủ quản xác nhận chuyên gia theo đúng mẫu quy định trong vòng 15 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA; - Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2010.	x		

B. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	Lĩnh vực Quản lý công sản								
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng Mã số 1.011769	75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.	x		
2	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000328	75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.	x		
3	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000327	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Chủ đầu tư dự án	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Khoản 2, khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 08/2025/NĐ CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
4	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000324	75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 08/2025/NĐCP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	x		
5	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại Mã số 3.000326	75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Khoản 4, khoản 5 Điều 23; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 08/2025/NĐ CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.	x		
II Lĩnh vực Phí, lệ phí									
1	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Mã số 1.008603	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không		Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.		x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải Mã số 1.013040	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ.	x		
III Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm									
1	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp Mã số 1.005411	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09/12/2000; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24/10/2010; - Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/QH15 ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x		

C. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
Lĩnh vực Quản lý công sản									
1	Cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị Mã số 3.000426	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		
2	Chuyển giao tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị về địa phương quản lý, xử lý Mã số 3.000430	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
3	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp Mã số 3.000424	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		
4	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị Mã số 3.000429	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		
5	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư Mã số 3.000434	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
6	Thanh lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị Mã số 3.000431	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		
7	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị Mã số 3.000433	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		
8	Thu hồi tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị Mã số 3.000428	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
9	Xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại Mã số 3.000432	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ.	x		

D. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
Lĩnh vực Quản lý công sản									
1	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ Mã số 1.006222	90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	x		
2	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp Mã số 1.006221	120 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	x		

E. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ: XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, TƯ PHÁP, Y TẾ, CÔNG THƯƠNG, DU LỊCH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	Lĩnh vực Giá								
1	Hiệp thương giá Mã số 1.012735	Thời hạn rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá: tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Giá năm 2023; - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.	x		
2	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân Mã số 1.012744	Thời hạn thẩm định phương án giá: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bảo đảm điều kiện để thẩm định phương án giá	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Giá năm 2023; - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.	x		

F. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh								
1	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh Mã số 1.014034	- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
2	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh Mã số 1.014035	03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			cấp xã			ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
3	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh Mã số 1.001612	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần. - Trục tuyến: 0 đồng/lần.	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh Mã số 2.000720	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần. - Trục tuyến: 0 đồng/lần.	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			công cấp xã			- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.			
5	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh Mã số 1.001570	Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Tạm ngừng: Miễn phí, lệ phí. - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn: Không quy định. - Trực tuyến: 0 đồng/lần.	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng	- Trường hợp hộ kinh doanh đã được cấp bản giấy Giấy chứng	Trung tâm Phục	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần - Trực tuyến: 0	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	nhận đăng ký hộ kinh doanh Mã số 2.000575	nhận đăng ký hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy này do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Các trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	vụ hành chính công cấp xã	đồng/lần		điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.			
7	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh Mã số 1.001266	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
						- Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.			
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã								
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp Mã số 2.002635	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Tổ hợp tác: miễn phí, lệ phí. - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 20.000 đồng/lần - Trực tuyến: 0 đồng/lần	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Tổ hợp tác: miễn phí, lệ phí. - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Không quy định.	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo Mã số 2.002636		cấp xã						
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 Mã số 2.002637	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy Mã số 2.002638	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác Mã số 2.002639	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác Mã số 2.002640	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác Mã số 2.002641	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác Mã số 2.002642	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).							
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.002643	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ.	x		
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác Mã số 2.002644	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Miễn phí, lệ phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			công cấp xã			- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.002645	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ.	x		
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài Mã số 2.002646	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.002648	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.002649	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện,	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.002650		vụ hành chính công cấp xã			- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
16	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất Mã số 1.005280	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Tổ hợp tác: miễn phí, lệ phí. - Lệ phí cấp mới Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 50.000 đồng/lần. - Lệ phí đăng ký thay đổi nội dung Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 20.000 đồng/lần - Trục tuyến: 0 đồng	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
17	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh Mã số 2.002123	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần - Trục tuyến: 0 đồng	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập Mã số 1.005277	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần - Trục tuyến: 0 đồng - Không thu lệ phí đối với trường hợp điều chỉnh lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
						- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.			
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 1.004901	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần - Trục tuyến: 0 đồng	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập Mã số 1.004979	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
						- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
21	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.001958	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
22	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 1.005378	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần. - Trục tuyến: 0 đồng. - Không thu lệ phí đối với trường hợp điều chỉnh lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
						- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.			
23	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 1.005377	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Tạm ngừng kinh doanh: Miễn phí. - Hoạt động kinh doanh trở lại trước thời hạn: Không quy định	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Lệ phí: 20.000 đồng/lần. - Trục tuyến: 0 đồng.	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	Mã số 2.001973					ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.			
25	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 1.004982	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
26	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 1.005010	- Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn phí	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.	x		
III Lĩnh vực Quản lý công sản									
1	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế Mã số 3.000410	Trong thời hạn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	Điều 28 Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã số 3.000327	Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x		
3	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại Mã số 3.000326	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x		
IV	Lĩnh vực Đất đai								
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Mã số 1.012994	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
V	Lĩnh vực Phí, lệ phí								
1	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Mã số 1.008603	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không		Nghị định số 53/2020/NĐCP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.	x		
2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải Mã số 1.013040	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.		x	
VI	Lĩnh vực thành lập và hoạt động tổ hợp tác (áp dụng cho các tổ hợp tác không thực hiện đăng ký theo Luật Hợp tác xã năm 2023)								
1	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác Mã số 2.002226	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Trung tâm Phục	Không	x	- Bộ luật dân sự năm 2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của		x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			vụ hành chính công cấp xã			Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
2	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác Mã số 2.002228	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	- Bộ luật dân sự năm 2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		x	
VII Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã									
1	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số 2.002668	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	x	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của		x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			công cấp xã			Chính phủ; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
VIII	Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm								
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp Mã số 1.005412	Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	x	- Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09/12/2000; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24/10/2010; - Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/QH15 ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x		